

Số: 982/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số
vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 72/TTr-BKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Văn bản số 3374/ BKHCN-CNCNTT ngày 21 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu là nhiệm vụ ưu tiên trọng tâm, xuyên suốt; trong đó tập trung thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ là ưu tiên hàng đầu, qua đó khơi dậy khát vọng làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, khẳng định vị thế của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

2. Nhà nước ưu tiên tập trung nguồn lực, kiến tạo thể chế đột phá; bảo đảm hạ tầng số hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam cung cấp dịch vụ tại thị trường nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đa dạng, chất lượng, khẳng định uy tín thương hiệu Make in Viet Nam, đáp ứng nhu cầu trong nước và năng lực cạnh tranh với các sản phẩm công nghệ số nước ngoài.

3. Phát triển hệ sinh thái các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam lớn mạnh, trong đó hình thành các doanh nghiệp công nghệ số chủ lực, có năng lực dẫn dắt các doanh nghiệp công nghệ số vừa và nhỏ tham gia chuỗi cung ứng theo từng thị trường hoặc theo lĩnh vực; chuyển dịch từ các công đoạn gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, làm chủ, đổi mới sáng tạo, sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam ra thị trường quốc tế.

4. Thúc đẩy thị trường công nghệ số trong nước, phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ số chất lượng cao là nền tảng và bộ phận vững chắc để doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khẳng định vị thế và chinh phục thị trường quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển đội ngũ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh cao, làm chủ công nghệ lõi và công nghệ chiến lược, đủ khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số mạnh, bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số, nâng cao vị thế, thương hiệu quốc gia Make in Viet Nam trên thị trường khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Phân đầu có tối thiểu 5.000 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường quốc tế, doanh thu xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ công

nghe số của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đạt tối thiểu 55 tỷ USD/năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt tối thiểu 30%/năm.

- Phần đầu có 60 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt 20 triệu USD/năm. Có 05 doanh nghiệp công nghệ số có doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt tối thiểu 01 tỷ USD/năm.

- Phần đầu thực hiện thành công tối thiểu 25 thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A)/liên doanh/hợp tác chiến lược giữa doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và đối tác quốc tế, với giá trị mỗi thương vụ từ 01 triệu USD trở lên.

b) Tầm nhìn đến 2045

- Việt Nam trở thành quốc gia công nghiệp công nghệ số phát triển, là một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ số hàng đầu khu vực và trên thế giới. Có tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến; thương hiệu Make in Viet Nam trở thành thương hiệu công nghệ số có uy tín được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

- Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam không chỉ làm chủ công nghệ và thị trường mà còn định hướng xu hướng phát triển công nghệ số toàn cầu, góp phần xây dựng chuẩn mực, tiêu chuẩn và hệ sinh thái số toàn cầu, thúc đẩy một trật tự kinh tế số quốc tế công bằng, bao trùm và bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, hoàn thiện thể chế

- a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đảm bảo tính tương thích với pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam khi mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế.

- b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa của doanh nghiệp công nghệ số gắn với chiến lược mở rộng thị trường quốc tế, tập trung vào nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu của từng thị trường nước ngoài.

- c) Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp công nghệ số; cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản chi phục vụ nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển khách hàng và mở rộng thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam khi mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh ra thị trường nước ngoài; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, phát triển các thị trường mới, tiềm năng theo quy định của pháp luật.

đ) Thúc đẩy hoạt động công nhận, thừa nhận các sản phẩm công nghệ số quốc tế, trong đó, xây dựng hệ thống thử nghiệm, đánh giá, chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm, nền tảng, giải pháp công nghệ số Make in Viet Nam.

e) Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ lõi có tiềm năng xuất khẩu (AI, IoT, thiết bị y tế số, công nghệ thực tế ảo, dữ liệu lớn...).

g) Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực công nghệ số trong việc phát triển kỹ năng toàn cầu hóa nhằm đáp ứng yêu cầu về hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật

a) Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam có tiềm năng xuất khẩu dựa trên các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, hướng tới nắm bắt và từng bước làm chủ công nghệ.

b) Hỗ trợ kêu gọi các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, Quỹ Đầu tư Phát triển công nghiệp chiến lược ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hướng tới thị trường quốc tế.

c) Thúc đẩy mô hình hợp tác “3 nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ số, làm nền tảng trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

d) Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có kế hoạch đầu tư, hợp tác hoặc cung cấp dịch vụ tại thị trường nước ngoài tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển trọng điểm quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, bản địa hóa và tiêu chuẩn hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, pháp lý, ngôn ngữ và văn hóa của từng thị trường quốc tế; hỗ trợ chứng nhận, thử nghiệm độc lập và hỗ

trợ doanh nghiệp uy tín trong nước mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế.

e) Hỗ trợ kết nối với các cơ quan chức năng, doanh nghiệp tại các thị trường trọng điểm để tạo thuận lợi cho việc thử nghiệm kỹ thuật và pháp lý đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam trên nhóm người dùng thử nghiệm có giới hạn, trước khi chính thức thương mại hóa.

g) Nghiên cứu, ban hành cơ chế hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài, hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại nước ngoài theo quy định hiện hành, nhằm bảo đảm doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam giữ vững quyền sở hữu và lợi ích thương mại đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khi mở rộng ra thị trường toàn cầu.

h) Hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và các quy định kỹ thuật có liên quan.

i) Nghiên cứu, đề xuất ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) kỹ thuật, pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới (như FinTech, AI, IoT...) để rút ngắn thời gian thử nghiệm, bản địa hóa sản phẩm.

3. Tăng cường huy động và hỗ trợ nguồn lực tài chính theo quy định của pháp luật

a) Nghiên cứu, triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính và đầu tư trọng điểm cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mở rộng thị trường quốc tế; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hóa cho doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh cao, giá trị xuất khẩu lớn và tiềm năng lan tỏa quốc tế.

b) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chức năng về cơ chế tài chính cho Quỹ Đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương về hỗ trợ hoạt động M&A và mở rộng thị trường quốc tế cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, bao gồm: hỗ trợ vốn đối ứng, đồng tài trợ, bảo lãnh tín dụng, chi phí xúc tiến thương mại, chi phí tham gia các giải thưởng uy tín quốc tế nhằm nâng cao uy tín; ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có tiềm năng.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tiếp cận các kênh huy động vốn trong và ngoài nước, bao gồm Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, Quỹ Đầu tư mạo hiểm địa phương, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư quốc tế, nhằm mở rộng cơ hội huy động vốn cho các dự án công nghệ số.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số chuẩn bị và hoàn thiện điều kiện niêm yết, IPO và huy động vốn tại thị trường quốc tế thông qua cung cấp thông tin,

hướng dẫn về thủ tục, tiêu chuẩn pháp lý và tài chính quốc tế.

đ) Nghiên cứu, bổ sung cơ chế bảo lãnh tín dụng và bảo hiểm đầu tư cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mở rộng thị trường quốc tế, nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính và thương mại, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng và thu hút vốn đầu tư quốc tế.

4. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu công nghiệp công nghệ số Make in Viet Nam theo quy định của pháp luật

a) Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu và Cẩm nang truyền thông đa ngôn ngữ về ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam nhằm định vị, quảng bá hình ảnh công nghiệp và doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên thị trường quốc tế, tạo nền tảng truyền thông thống nhất và chuyên nghiệp.

b) Triển khai các hoạt động truyền thông quốc tế đồng bộ nhằm quảng bá thương hiệu công nghệ số Việt Nam thông qua việc chủ động xây dựng nội dung chuyên sâu, giới thiệu thành tựu, doanh nghiệp công nghệ số tiêu biểu, sản phẩm và dịch vụ công nghệ số Việt Nam trên các kênh truyền thông, báo chí và diễn đàn quốc tế uy tín; đồng thời triển khai các chiến dịch truyền thông số trên các nền tảng thông tin toàn cầu với nội dung được bản địa hóa phù hợp với đặc điểm văn hóa, nhu cầu và xu hướng đối với từng thị trường mục tiêu.

c) Hình thành Gian hàng số quốc gia Việt Nam trên các nền tảng thương mại điện tử quốc tế uy tín, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia và khai thác hiệu quả thông qua việc tổ chức quảng bá sản phẩm, dịch vụ phù hợp với thị trường mục tiêu.

d) Hỗ trợ kết nối các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài tham quan, khảo sát cơ sở sản xuất, nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; tổ chức các hoạt động trao đổi, kết nối về cơ hội hợp tác kinh doanh, đầu tư và chuyển giao công nghệ nhằm quảng bá năng lực, sản phẩm công nghệ số Việt Nam ra thị trường quốc tế.

đ) Tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Công nghệ số Việt Nam tại các thị trường chiến lược nhằm giới thiệu, xúc tiến thương mại và tạo cơ hội hợp tác kinh doanh cho sản phẩm, dịch vụ, giải pháp công nghệ số Việt Nam.

5. Thúc đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ số chủ lực, dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ và vừa vươn ra toàn cầu theo quy định của pháp luật

a) Xác định các ngành công nghiệp số chiến lược có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu, lựa chọn tối thiểu 05 doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của Việt Nam để phát huy vai trò dẫn dắt trong hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ

số nhỏ và vừa; xây dựng các chuỗi liên kết, liên minh kinh tế số theo ngành và các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu dịch vụ kỹ thuật số nhằm giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thị trường quốc tế, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và tuân thủ luật pháp tại thị trường mục tiêu, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

b) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế ưu đãi thuế và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp chủ lực nhằm khuyến khích hợp tác, đặt hàng và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng.

c) Nghiên cứu xây dựng và triển khai chính sách phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) từ các quỹ để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của các doanh nghiệp chủ lực, qua đó phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ mới.

d) Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số chủ lực xây dựng các nền tảng số, dịch vụ đám mây dùng chung với chi phí ưu đãi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong hệ sinh thái; ưu tiên sử dụng các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước khi đạt tiêu chuẩn, hỗ trợ cùng tham gia vào các dự án lớn của doanh nghiệp chủ lực.

6. Thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện mua bán, sáp nhập theo quy định của pháp luật

a) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các hoạt động mua bán, sáp nhập thông qua các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các ngân hàng thương mại theo hình thức hỗ trợ tài chính ưu đãi và bảo lãnh vay vốn. Ưu tiên các thương vụ hướng tới tiếp thu công nghệ lõi, công nghệ chiến lược phù hợp với định hướng phát triển của Việt Nam, đồng thời góp phần mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng khả năng thâm nhập thị trường quốc tế.

b) Nghiên cứu, xây dựng và thiết lập cơ chế tư vấn, hỗ trợ pháp lý, xúc tiến đầu tư, thẩm định công nghệ và hỗ trợ tiếp cận thị trường nước ngoài cho doanh nghiệp công nghệ số có nhu cầu thực hiện các hoạt động mua bán, sáp nhập quốc tế.

c) Thu thập thông tin về cơ hội hợp tác, đầu tư và mua bán sáp nhập trong lĩnh vực công nghệ số, cung cấp thông tin thị trường, danh sách đối tác tiềm năng, tư liệu pháp lý và hướng dẫn quy trình đầu tư quốc tế.

d) Xây dựng cơ chế tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số đã thực hiện thành công các thương vụ mua bán, sáp nhập trong việc mở rộng thị trường,

thuê chuyên gia hỗ trợ, quá trình chuyển giao, làm chủ công nghệ, nội địa hóa sản phẩm.

7. Nghiên cứu đề xuất bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho các đại diện khoa học và công nghệ của Việt Nam tại nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm phát huy vai trò cầu nối trong việc thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mở rộng hoạt động ra quốc tế; tăng cường kết nối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại nước sở tại, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, mở rộng hợp tác và nâng cao hiện diện của công nghệ số Việt Nam trên phạm vi toàn cầu.

8. Đo lường, đánh giá trực tuyến sự phát triển của doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu thông qua hệ thống thông tin, bảo đảm tích hợp, kết nối đồng bộ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam với đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và các tổ chức quốc tế, nhằm số hóa toàn bộ quy trình xúc tiến thương mại, tạo điểm tiếp xúc duy nhất cho các bên liên quan, cung cấp thông tin thời gian thực, hỗ trợ kết nối tự động và xây dựng hệ sinh thái số phục vụ chiến lược quốc tế hóa của ngành công nghệ số Việt Nam; thực hiện theo dõi các chỉ số chính (Dashboard KPI) theo thời gian thực dựa trên dữ liệu để quản lý, đo lường, đánh giá sự phát triển của doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật, được bố trí từ các nguồn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số;

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ động rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp công nghệ số; triển khai hoặc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

b) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án bằng cách lồng ghép thực hiện nhiệm vụ vào các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, chương trình, đề án trong các ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu, báo cáo định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 để đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Quyết định này gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến lĩnh vực quản lý tại Đề án này và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức đánh giá kết quả triển khai Đề án, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

c) Thực hiện chức năng quản lý, điều phối các đại diện khoa học và công nghệ trong việc xúc tiến thương mại và đầu tư trong lĩnh vực công nghệ số Việt Nam tại các thị trường chiến lược.

d) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định về hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia để mở rộng hỗ trợ cho vay ưu đãi, bảo lãnh vốn vay, triển khai các hoạt động M&A trong lĩnh vực công nghệ số và các nhiệm vụ khác được giao trong Đề án cho doanh nghiệp công nghệ số tham gia thị trường quốc tế.

đ) Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số thực hiện mục tiêu vươn ra toàn cầu thông qua việc hỗ trợ tài chính cho hoạt động đổi mới sáng tạo, làm chủ và nâng cao công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ lãi suất vay cho các dự án ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ phục vụ mở rộng thị trường nước ngoài.

e) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế, phí và lệ phí cho doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.

g) Chịu trách nhiệm theo quy định về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 72/TTr-BKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Văn bản số 3374/ BKHCN-CNCNTT ngày 21 tháng 5 năm 2026.

3. Bộ Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành và địa phương, cân đối, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước hằng năm, ưu tiên chi cho các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đi ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Bố trí và phân bổ kinh phí từ Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong để triển khai thực hiện các nội dung phù hợp được giao trong Đề án theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Ngoại giao

Đồng chủ trì với Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó, ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, đầu tư, hợp tác, kinh doanh hiệu quả ở thị trường nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Bộ Công Thương

a) Chỉ đạo hệ thống Thương vụ, Văn phòng Xúc tiến thương mại, Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam tại quốc tế tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam thông qua việc thường xuyên, định kỳ cung cấp thông tin, tư vấn thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối các nhà xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối ở thị trường sở tại, quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Bố trí và phân bổ kinh phí từ Chương trình vươn ra thị trường quốc tế và Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia để triển khai thực hiện các nội dung được giao trong Đề án theo quy định của pháp luật.

6. Các Bộ, ngành

a) Chủ động rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và tổ chức, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp, sản phẩm công nghệ số; đồng thời, ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Phụ lục của Đề án.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chủ động rà soát, tháo gỡ thực chất những khó khăn, vướng mắc đối với từng doanh nghiệp, từng dự án đầu tư về công nghệ số theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Phụ lục của Đề án.

8. Các Khu Công nghệ cao, Khu Công nghệ số tập trung và hiệp hội, doanh nghiệp liên quan

a) Thực hiện vai trò là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp công nghệ số; là đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, thẩm định, xác nhận cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao thụ hưởng các chính sách, giải pháp hỗ trợ quy định tại Đề án này.

b) Chủ trì, tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật về phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu; tổng hợp khó khăn, vướng mắc từ doanh nghiệp công nghệ số để đề xuất, kiến nghị những chính sách hỗ trợ, giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động kinh doanh ra thị trường nước ngoài.

c) Đẩy mạnh công tác thông tin thị trường cho các hội viên, doanh nghiệp thành viên để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa rủi ro khi thị trường biến động; thông tin tới hội viên về các mô hình quản trị hiện đại, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu trên thị trường quốc tế.

d) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam vươn ra toàn cầu thông qua việc liên kết các hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên trong các hoạt động thương mại quốc tế.

9. Đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tuyên truyền về các nội dung thuộc Đề án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

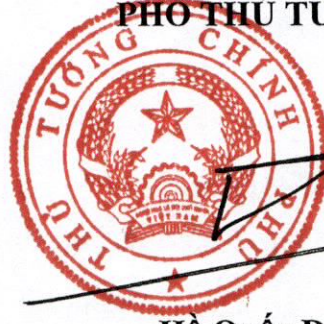
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (02).

28

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN HỖ TRỢ, PHÁT TRIỂN
CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ VƯƠN RA TOÀN CẦU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1.	Rà soát, hoàn thiện thể chế				
1.1	Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung và đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Nhiệm vụ thường xuyên
1.2	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tài chính, tín dụng khuyến khích M&A doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026
1.3	Hoàn thiện, ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng số hiện đại, bao trùm để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026
1.4	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ	Bộ Khoa học và	Cơ quan, tổ chức	Tiêu chuẩn, quy	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	sở, tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ lõi.	Công nghệ	và doanh nghiệp liên quan	chuẩn được ban hành	
1.5	Tăng cường năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) phục vụ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Quyết định Bộ trưởng	Quý IV/2026
1.6	Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp công nghệ số; cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản chi phục vụ nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển khách hàng và mở rộng thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật.	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành (theo hướng cụ thể như: chi phí cho hoạt động tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động, tối đa 3 tỷ đồng/năm/doanh nghiệp khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp,...)	Quý III/2026
1.7	Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế hỗ trợ tài	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	chính đối với doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam khi mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh ra thị trường nước ngoài; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, phát triển các thị trường mới, tiềm năng theo quy định của pháp luật.		Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	(theo hướng cụ thể như: chính sách ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam 50% chi phí hợp lý khi mở rộng thị trường ra nước ngoài, với mức tối đa 2 tỷ đồng/doanh nghiệp/thị trường quốc tế mới,...)	
2.	Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu thị trường quốc tế				
2.1	Hỗ trợ nghiên cứu, làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi Make in Viet Nam có tiềm năng xuất khẩu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Đề xuất các chính sách cụ thể, công bố các sản phẩm Make in Viet Nam có tiềm năng xuất khẩu	Nhiệm vụ thường xuyên
2.2	Triển khai Testbed/Sandbox kỹ thuật, pháp lý cho các lĩnh vực công nghệ mới nổi như: FinTech, AI/IoT....	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.3	Hỗ trợ chi phí cho các hoạt động mang tính kỹ thuật cao như kiểm định, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm quốc tế; chi phí tư vấn, hỗ trợ pháp lý liên quan đến định giá tài sản trí tuệ, công nghệ và phân tích công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Nhiệm vụ thường xuyên
2.4	Nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài (đăng ký theo hệ thống PCT/Madrid/Hague...).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý III/2026
2.5	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí cho các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo nhằm giúp doanh nghiệp công nghệ số làm chủ công nghệ và tạo ra sản phẩm cạnh tranh quốc tế, cải tiến sản phẩm/dịch vụ của mình đạt tiêu chuẩn cao hơn, phục vụ mục tiêu quốc tế hóa.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành Công bố các sản phẩm đạt tiêu chuẩn nhận tài trợ	Quý IV/2026
2.6	Hình thành các hệ sinh thái nghiên cứu và phát triển quốc tế thông qua	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao;	Hệ sinh thái được thành lập và công	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	việc hợp tác với các trung tâm, phòng thí nghiệm, văn phòng nghiên cứu và phát triển tại các thị trường trọng điểm, các quốc gia là đối tác chiến lược của Việt Nam.		Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	bố	
2.7	Nghiên cứu đề xuất xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo chuyên sâu về pháp lý thương mại quốc tế, chuẩn hợp đồng công nghệ, văn hoá - thị trường, kỹ năng bán hàng xuyên biên giới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Chương trình được triển khai, hoạt động	Quý IV/2026
2.8	Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam cạnh tranh với quốc tế.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ Và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Các khóa đào tạo, phổ cập, nâng cao chất lượng được tổ chức	Nhiệm vụ thường xuyên
3.	Tăng cường huy động và hỗ trợ nguồn lực tài chính				
3.1	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chức năng về cơ chế tài chính hỗ trợ hoạt động M&A và mở rộng thị trường quốc tế trong lĩnh vực công nghệ số cho Quỹ Đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, UBND các thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Ngoại giao; Cơ quan, tổ chức,	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
			doanh nghiệp liên quan		
3.2	Kết nối kênh huy động vốn mở rộng cơ hội gọi vốn cho các dự án của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Triển khai thành công hoạt động kết nối, xúc tiến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và quốc tế trong lĩnh vực công nghệ số	Nhiệm vụ thường xuyên
3.3	Ban hành các chính sách hỗ trợ IPO và niêm yết quốc tế (IFRS, quản trị, pháp lý, thủ tục).	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý I/2027
3.4	Nghiên cứu, xây dựng báo cáo đề xuất các cơ chế triển khai bảo lãnh thông qua các Quỹ Bảo lãnh tín dụng, Quỹ Đầu tư mạo hiểm quốc gia và mở rộng thị trường quốc tế cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và bảo hiểm đầu tư cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Báo cáo nghiên cứu về cơ chế, chính sách được ban hành	Quý II/2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3.5	Nghiên cứu, xây dựng báo cáo đề xuất các cơ chế về chuyển tiền đặt cọc nhanh chóng "Luồng xanh" (Green Lane) cho các doanh nghiệp công nghệ số khi thực hiện M&A quốc tế.	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Tài chính; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Báo cáo nghiên cứu về cơ chế, chính sách được ban hành	Quý II/2027
4.	Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu công nghiệp công nghệ số Make in Viet Nam				
4.1	Xây dựng, công bố Bộ nhận diện và Cẩm nang truyền thông đa ngôn ngữ ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Ban hành Bộ cẩm nang truyền thông	Quý III/2026
4.2	Tổ chức truyền thông quốc tế (bài viết, chiến dịch số, gian hàng số, giải thưởng uy tín).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ Cơ quan, tổ chức, địa phương, doanh nghiệp liên quan	Các chương trình, bài báo thông tin về lĩnh vực công nghệ số được đăng tải trên các kênh truyền thông quốc tế	Nhiệm vụ thường xuyên
4.3	Tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Công nghệ số Việt Nam tại các thị trường chiến lược.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao Bộ Công Thương Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Các Diễn đàn Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam được tổ chức thành công tại các thị trường trọng điểm	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
4.4	Tổ chức các Gian hàng quốc gia Việt Nam trên các nền tảng thương mại điện tử quốc tế uy tín để quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Gian hàng được thiết lập và vận hành trên các nền tảng thương mại điện tử uy tín	Nhiệm vụ thường xuyên
4.5	Tổ chức hoạt động trao đổi, kết nối hợp tác kinh doanh, đầu tư giữa các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan	Tổ chức thành công các hội nghị/hội thảo/chương trình kết nối doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số tại một số thị trường chiến lược	Nhiệm vụ thường xuyên
4.6	Tổ chức nghiên cứu, xây dựng báo cáo hàng năm về thị trường, công nghệ mới nổi, xu hướng đầu tư nhằm xác định các thị trường trọng tâm, trọng điểm.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao Và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Báo cáo hàng năm	Nhiệm vụ thường xuyên
5.	Thúc đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ số chủ lực, dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ và vừa vươn ra toàn cầu				
5.1	Lựa chọn 05 doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của Việt Nam để dẫn dắt hệ sinh thái doanh nghiệp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên	Công bố danh sách 05 doanh nghiệp công nghệ số chủ	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	vừa và nhỏ phù hợp với các ngành công nghiệp chiến lược, có lợi thế, có tiềm năng xuất khẩu.		quan	lực	
5.2	Cấp phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm thông qua việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế và khuyến khích người dùng trải nghiệm sản phẩm mới, dịch vụ mới.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
5.3	Thúc đẩy triển khai nền tảng, sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số chủ lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Nhiệm vụ được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
6.	Thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số thực hiện mua bán, sáp nhập				
6.1	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy và hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam thực hiện các thương vụ mua bán, sáp nhập quốc tế; trong đó tập trung hỗ trợ tư vấn chiến lược, tư vấn pháp lý trong nước và quốc tế, thẩm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	định doanh nghiệp, đàm phán giao dịch và xử lý các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động M&A quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật.				
6.2	Thu thập thông tin về cơ hội hợp tác, đầu tư và mua bán sáp nhập trong lĩnh vực công nghệ số, cung cấp thông tin thị trường, danh sách đối tác tiềm năng, tư liệu pháp lý và hướng dẫn quy trình đầu tư quốc tế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Báo cáo về thông tin tổng hợp liên quan tới mua bán, sáp nhập	Nhiệm vụ thường xuyên
6.3	Xây dựng cơ chế tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số đã thực hiện thành công các thương vụ mua bán, sáp nhập trong việc mở rộng thị trường, thuê chuyên gia hỗ trợ, quá trình chuyển giao, làm chủ công nghệ, nội địa hóa sản phẩm.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành	Quý IV/2026
7.	Nghiên cứu đề xuất bổ sung chức năng nhiệm vụ cho các đại diện khoa học và công nghệ của Việt Nam có hiện diện tại các quốc gia để thúc đẩy, hỗ trợ các doanh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính Bộ Ngoại giao Bộ Công Thương Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên	Chức năng, nhiệm vụ được bổ sung	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	ngành công nghệ số Việt Nam tham gia thị trường quốc tế.		quan		
8.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng hệ thống thông tin quản lý, đo lường, đánh giá trực tuyến sự phát triển của doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Hệ thống thông tin đưa vào sử dụng	Quý IV/2026